

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA
SÀI GÒN- PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Số: 01 /2018/BC -HDQT

Phú Thọ, ngày 26 tháng 02 năm 2018

V/v: Công bố báo cáo thường niên
năm 2017

Kính gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tổ chức công bố thông tin

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn- Phú Thọ
- Địa chỉ: Khu CN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ
- Điện thoại : 02103 650 688
- Website: www.saigonphutho.com.vn
- Người được ủy quyền công bố thông tin: Trần Thị Liên- Thư ký công ty

2. Nội dung công bố thông tin:

Căn cứ điều 8 khoản 3 mục a, thông tư 155/2015/TT_BTC ngày 06/10/2015.

Công ty cổ phần Bia Sài Gòn- Phú Thọ công bố thông tin với nội dung như sau:

Báo cáo thường niên năm 2017.

Báo cáo được đăng tải tại website: www.saigonphutho.com.vn Chúng tôi cam kết các thông tin trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã công bố

Nơi nhận:

-Như trên

-Lưu TKHDQT

CÔNG TY CP BIA SÀI GÒN- PHÚ THỌ

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN



TRẦN THỊ LIÊN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ



NĂM 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ



NĂM 2017

MỤC LỤC

I. Thông tin chung	1
1. Thông tin khái quát	1
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	2
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	2
4. Định hướng phát triển	5
5. Các rủi ro.....	6
II. Tình hình hoạt động trong năm.....	8
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	8
2. Tổ chức và nhân sự	8
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	12
4. Tình hình tài chính	12
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu).....	13
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	14
6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:	14
6.2. Tiêu thụ năng lượng:.....	14
6.3. Tiêu thụ nước:.....	15
6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:.....	15
6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.....	15
6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.	16
6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không	16
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc.....	17
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	17
2. Tình hình tài chính.....	17
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	18
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:	19
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty	19
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.	19
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:	19
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:	20
V. Quản trị công ty.	20
1. Hội đồng quản trị	20
2. Ban Kiểm soát.....	26
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	30
VI. Báo cáo tài chính	33
1. Ý kiến kiểm toán:.....	33
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	33

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng số 1: Các chỉ tiêu đạt được	8
Bảng số 2: Cơ cấu lao động.....	11
Bảng số 3: Tình hình tài chính.....	12
Bảng số 4: Chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	13
Bảng số 5: Cơ cấu cổ đông	14
Bảng số 6: Tình hình tài sản	17
Bảng số 7: Tình hình công nợ.....	18
Bảng số 8: Các quyết định, nghị quyết của HĐQT năm 2017	25
Bảng số 9: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát.....	30
Sơ đồ số 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức.....	2
Sơ đồ số 2: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam từ năm 2012 - 6/2017	7

I. Thông tin chung**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600393941 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 30/5/2007, cấp thay đổi lần thứ 3 ngày 15/04/2014
- Vốn điều lệ: 125.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng*)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 125.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng*)
- Địa chỉ: Khu Công nghiệp Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.
- Số điện thoại: (0210) 3650 688
- Số fax: (0210) 3650 686
- Website: <http://saigonphutho.com.vn/>
- Mã cổ phiếu (nếu có): BSP

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ là đơn vị liên kết với Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn và được thành lập năm 2007 với vốn điều lệ 125.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 1803000511 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Thọ cấp ngày 30/05/2007. Sau khi được thành lập, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Phú thọ thực hiện dự án xây dựng nhà máy Bia với mức đầu tư khoảng 433 tỷ đồng, công suất 50 triệu lít/năm. Nhà máy được trang bị dây chuyền sản xuất đồng bộ, tiên tiến của tập đoàn Krones Cộng hòa liên bang Đức kết hợp với một số thiết bị trong nước.

Tháng 8/2010 nhà máy chính thức đi vào hoạt động với sản phẩm chủ yếu là bia lon Sài Gòn.

Kể từ ngày đi vào sản xuất - kinh doanh, Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ chú trọng đặc biệt đến chất lượng sản phẩm, đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng được yêu cầu của công việc. Do đó kể từ lô bia sản xuất đầu tiên đến nay đều đạt theo tiêu chuẩn chất lượng của Tổng Công ty, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Từ những kết quả sản xuất kinh doanh đạt được Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ đã đẩy mạnh việc nộp ngân sách nhà nước, tích cực tham gia vào các hoạt động an sinh xã hội, vì cộng đồng, đền ơn đáp nghĩa, quỹ khuyến học khuyến tài. Công ty nhận được nhiều bằng khen của các cơ quan ban ngành ghi nhận những thành tích đã đạt được, đây chính là nguồn động viên, khích lệ Công ty trong chặng đường dài phía trước.

Ngày 03/08/2016, Công ty được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty trên sàn giao dịch chứng khoán Upcom.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:
 - + Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
 - + Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
 - + Khách sạn;
 - + Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
 - + Sản xuất rượu vang.
- Địa bàn kinh doanh:
 - Chủ yếu ở khu vực miền Bắc.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Cơ cấu bộ máy quản lý

Công ty được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Xuất phát từ đặc điểm sản phẩm, quy trình sản xuất và nguyên tắc hoạt động, để đảm bảo kinh doanh hiệu quả, Công ty đã xây dựng tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban, đội, trạm sản xuất.

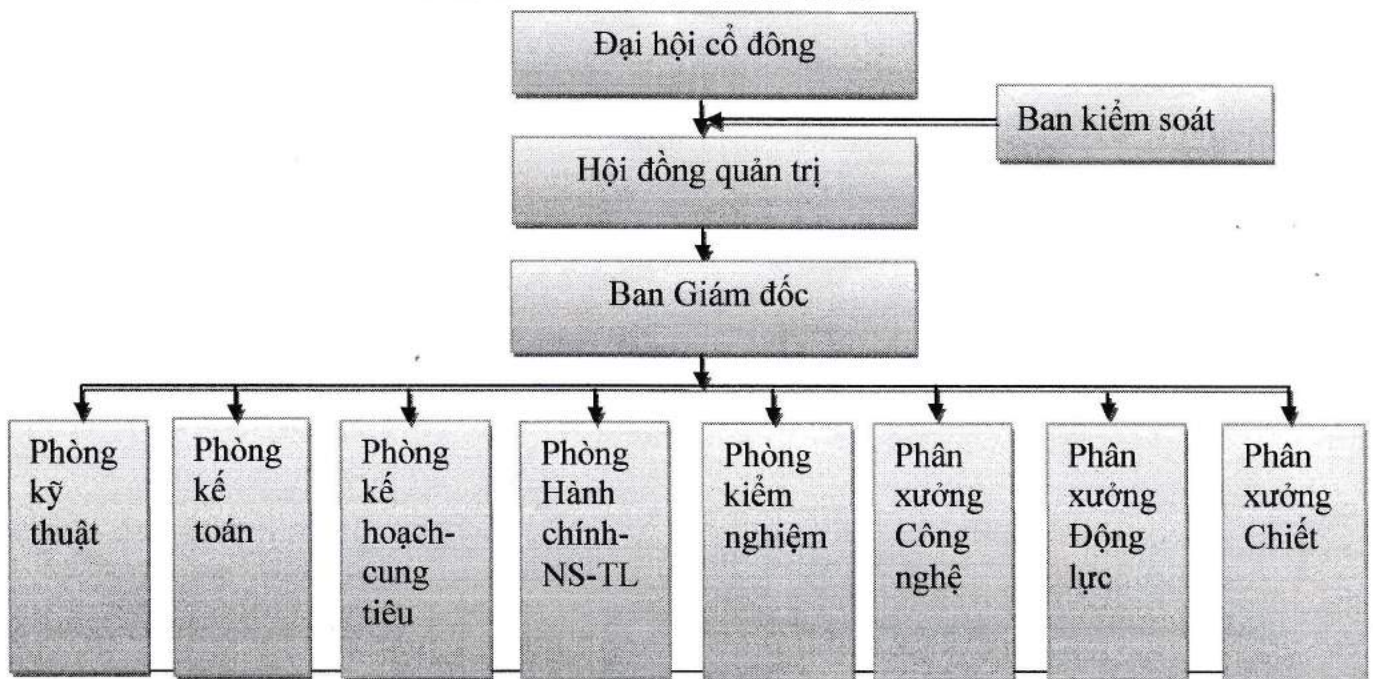
Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm:

-05 phòng ban: Phòng Kỹ thuật, Phòng Hành chính – Nhân sự - Tiền lương; Phòng Tài chính kế toán; Phòng Kế hoạch - Cung tiêu, Phòng kiểm nghiệm;

-03 phân xưởng: Phân xưởng công nghệ, phân xưởng động lực, phân xưởng chiết

3.2. Mô hình quản trị

Sơ đồ số 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức



(Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Phú Thọ)

➤ **Chức năng, nhiệm vụ các phòng ban như sau:**

▪ **Đại hội đồng cổ đông:**

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty cổ phần và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ.

▪ **Hội đồng quản trị:**

Là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 01 Chủ tịch và 04 thành viên với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm. Hội đồng quản trị nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty.

Hội đồng quản trị gồm:

- | | |
|-------------------------|-----------------|
| 1- Ông Nguyễn Ngọc Châu | - Chủ tịch HĐQT |
| 2- Ông Bùi Văn Thiêng | - Ủy viên HĐQT |
| 3- Bà Nguyễn Thu Hương | - Ủy viên HĐQT |
| 4- Ông Võ Sỹ Dũng | - Ủy viên HĐQT |
| 5- Ông Lê Hoài Thanh | - Ủy viên HĐQT |

▪ **Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 (ba) thành viên. Ban kiểm soát Công ty có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các cổ đông.

Ban Kiểm soát gồm:

- 1- Ông Nguyễn Tiến Thọ - Trưởng BKS
- 2- Bà Đoàn Thị Xuân Duyên - Ủy viên BKS
- 3- Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Ủy viên BKS.

▪ **Ban Giám đốc:**

Bao gồm Giám đốc và Phó Giám đốc. Ban Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm

vụ được giao.

Ban Giám đốc hiện tại gồm: 01 Giám đốc và 01 Phó Giám đốc:

1- Ông Bùi Văn Thiêng - Giám đốc

2- Ông Vũ Danh Tuyên - Phó Giám đốc

▪ **Phòng Kỹ thuật**

Chịu trách nhiệm trong công tác tổ chức điều hành, thực hiện, kiểm tra, báo cáo kết quả công tác kỹ thuật công nghệ, chất lượng sản phẩm môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm; Xây dựng các yêu cầu, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, vật tư nguyên liệu; Xây dựng, giám sát, định mức kinh tế kỹ thuật, máy móc thiết bị, tài liệu công nghệ theo quy định của Công ty; Phối hợp nghiên cứu các giải pháp công nghệ, các thành tựu kỹ thuật tiên tiến và hoạt động sản xuất, phát triển sản phẩm mới. Kết hợp với các bộ phận liên quan xây dựng và thực hiện nội dung chương trình đào tạo, tổ chức thi nâng bậc kỹ thuật cho công nhân hàng năm.

▪ **Phòng Hành chính – Nhân sự - Tiền lương**

Đảm nhận và chịu trách nhiệm trong công tác tham mưu xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh, quy hoạch cán bộ; Lập kế hoạch đào tạo và tuyển dụng lao động, xây dựng định mức lao động và đơn giá tiền lương hàng năm; Tham mưu cho Ban Giám đốc xây dựng quy chế trả lương, thưởng. Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo luật định và quy chế của Công ty; Phối hợp xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch bảo vệ, an ninh, quốc phòng, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt hàng năm. Theo dõi công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật.

▪ **Phòng Tài chính kế toán**

Đảm nhận và chịu trách nhiệm trước Công ty về lĩnh vực tài chính kế toán. Phòng có chức năng xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính hàng năm; Tổ chức công tác kế toán hạch toán, lập báo cáo tài chính theo quy định và các báo cáo quản trị theo yêu cầu của Công ty. Chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc lập hóa đơn chứng từ ban đầu cho công tác hạch toán kế toán; hướng dẫn, tổng hợp báo cáo thống kê.

▪ **Phòng Kế hoạch - Cung tiêu**

Chịu trách nhiệm về Kế hoạch sản xuất, tiêu thụ; Mua vật tư, nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất; Quản lý các kho trong Công ty; Tư vấn Ban lãnh đạo về việc tiêu thụ và phát triển sản phẩm mới. Kết hợp với các phòng ban để xây dựng kế hoạch sản xuất cho từng tháng và cả năm.

▪ **Phân xưởng Chiết**

Vận hành dây chuyền chiết bia lon và bia hơi theo đúng quy trình công nghệ sản

xuất và đảm bảo an toàn lao động; Tiếp nhận bia sau lọc từ bộ phận lọc để chiết bia; Phối hợp với Phòng kỹ thuật và phân xưởng Động lực để thực hiện việc bảo trì bảo dưỡng thiết bị cho toàn dây chuyền; Thực hiện, theo dõi đánh giá việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật tại phân xưởng.

▪ **Phân xưởng Động lực**

Vận hành các hệ thống thiết bị động lực và hệ thống xử lý nước thải đúng theo quy trình công nghệ sản xuất và đảm bảo an toàn lao động; Đề xuất các biện pháp cần thiết nhằm tiết kiệm năng lượng; Phối hợp với các đơn vị liên quan lập kế hoạch bảo trì thiết bị, kế hoạch đào tạo, kế hoạch bảo hộ lao động của đơn vị hàng năm.

Vận hành các hệ thống xử lý nước và xử lý nước thải đúng theo quy trình công nghệ sản xuất và đảm bảo an toàn lao động. Thực hiện theo dõi, đánh giá việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật tại Phân xưởng

▪ **Phân xưởng công nghệ**

Thực hiện kiểm soát đầu vào quá trình nấu, lên men và lọc; Tổ chức nhận vật tư, nguyên phụ liệu; Vận hành thiết bị, máy móc thuộc tổ quản lý và thực hiện đảm bảo an toàn lao động trong quá trình sản xuất để đáp ứng yêu cầu sản xuất dịch đường theo kế hoạch sản xuất đã được lãnh đạo duyệt; Cung cấp dịch đường lạnh cho bộ phận lên men theo kế hoạch chất lượng, kế hoạch sản xuất và theo yêu cầu của bộ phận Lên men; Thực hiện quá trình lên men thành bia và lọc bia; Thực hiện, theo dõi đánh giá việc thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật tại phân xưởng.

▪ **Phòng kiểm nghiệm**

Kiểm tra chất lượng sản phẩm, chất lượng vật tư, nguyên liệu đầu vào cho sản xuất; Chủ trì và phối hợp các bộ phận liên quan xây dựng, tổ chức thực hiện hệ thống quản lý chất lượng.

3.3. Các công ty con và công ty liên kết: Không có

4. *Định hướng phát triển*

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.
- + Ổn định, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất đề ra;
- + Từng bước hoàn thiện cơ chế quản lý, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; tiết kiệm chi phí.
- + Khai thác, sử dụng giữ gìn tốt phương tiện vận tải, dây chuyền sản xuất. Rà soát xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật phù hợp điều kiện SXKD.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
- + Công ty tập trung đảm bảo sự phát triển bền vững và ổn định cho công ty bằng việc nâng cao chất lượng sản phẩm bia các loại mang lại sự hài lòng cho khách hàng;
- + Hoàn thiện tự động hóa cho dây chuyền bia hơi;



SABECO

- + Đầu tư hệ thống tiết kiệm năng lượng tại Nhà Nấu.
- + Đẩy mạnh công tác phát triển thị trường bia hơi phần đầu năm 2020 sản lượng bia hơi đạt 12 triệu lít/năm;
- + Nghiên cứu mở rộng nhà Nấu để tăng công suất phù hợp.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

Nghiên cứu sử dụng các nguồn nguyên nhiên liệu thay thế không gây ô nhiễm môi trường, tiếp tục sản xuất ổn định nhằm tạo công ăn việc làm cho người lao động trên địa bàn.

5. *Các rủi ro*

➤ **Rủi ro kinh tế**

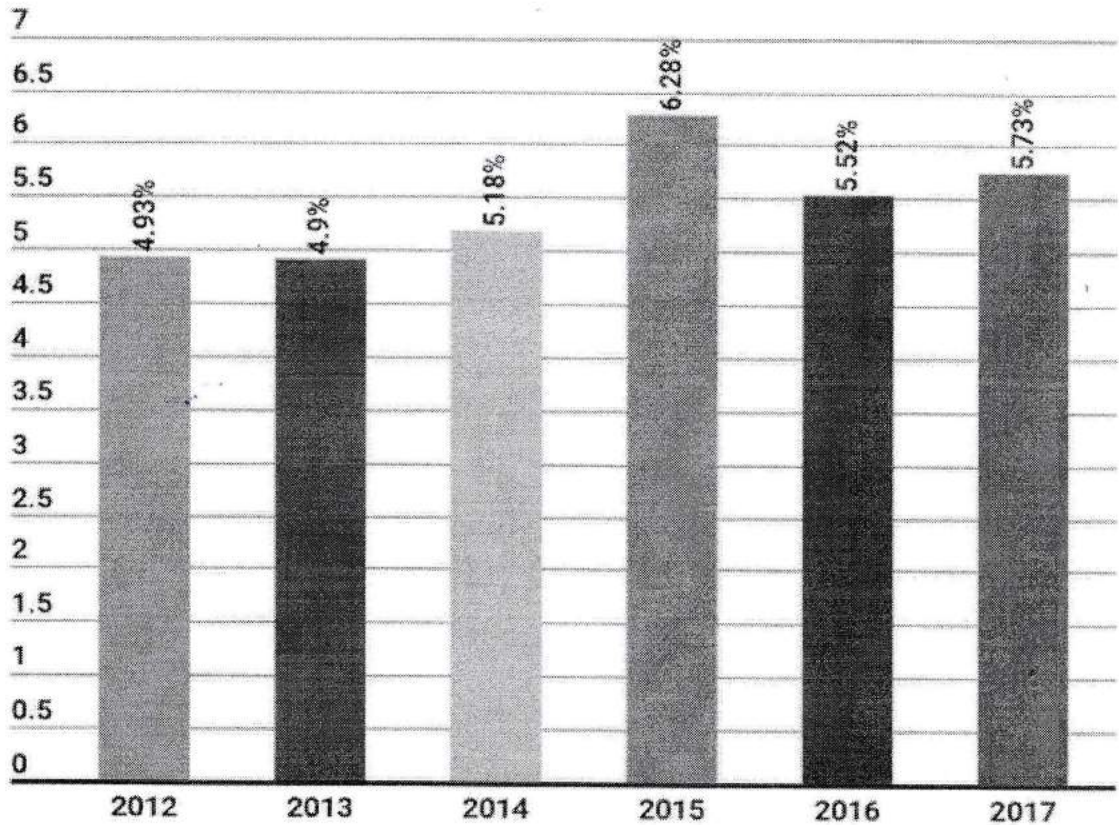
Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống được tạo ra từ yếu tố kinh tế vĩ mô (ví dụ như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, tỷ giá, lãi suất...) đều ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ nói riêng. Sự ổn định và vững mạnh của nền kinh tế trong nước cũng như thế giới đóng vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển của doanh nghiệp. Tuy nhiên nếu nền kinh tế suy thoái các yếu tố lạm phát, tỷ giá, lãi suất sẽ tăng cao là cho các nhu cầu tiêu dùng giảm mạnh là rào cản cho sự phát triển hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Theo số liệu của Tổng cục thống kê (GSO), mặc dù tình hình kinh tế xã hội trong năm 2016 còn nhiều khó khăn và thách thức nhưng nhìn chung có nhiều chuyển biến tích cực. Việt Nam đạt mức tăng trưởng kinh tế ở mức 6.21% giảm so với năm 2015. Tuy nhiên xu hướng tăng trưởng tích cực quý sau cao hơn quý trước, cụ thể quý I tăng 5.48%, quý II tăng 5.78%, quý III tăng 6.4%, quý IV tăng 6.68%. Mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2016 không cao so với kỳ vọng và mục tiêu 6.7% như Quốc hội đề ra nhưng đang có xu hướng đi lên nhẹ nhờ các tín hiệu tích cực đến từ ngành công nghiệp và xây dựng, ngành dịch vụ và các hoạt động bán lẻ. Ngành công nghiệp đạt mức tăng trưởng 7.57% trong đó ngành công nghiệp chế biến đột phá với mức tăng trưởng 11.9% , ngành xây dựng tăng trưởng khá ở mức 10%, dịch vụ tăng trưởng cao nhất trong vòng 6 năm trở lại đây ở mức 6,98% và hoạt động bán lẻ có mức tăng trưởng ấn tượng đạt 8.28%.

Kinh tế Việt Nam 6 tháng đầu năm 2017 đạt được nhiều chuyển biến tích cực. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 6 tháng đầu năm 2017 ước tính tăng 5.73% so với cùng kỳ năm trước, trong đó quý I tăng 5.15%, quý II đã khởi sắc hơn quý I với tốc độ 6.17%. Theo kế hoạch đã được Quốc hội thông qua tăng trưởng GDP Việt Nam năm nay đạt mục tiêu 6.7% thông qua việc thực thi các hiệp định thương mại trong thời gian

tới tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Điều này thể hiện quyết tâm của Chính phủ trong việc duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của các thành phần kinh tế và tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của các tổ chức niêm yết chứng khoán.

Sơ đồ số 2: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam từ năm 2012 - 6/2017



Với triển vọng kinh tế vĩ mô Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2017, tốc độ tăng trưởng trung bình của ngành sản xuất bia sẽ đạt 5.1% so với cùng kỳ năm ngoái.

⚡ **Rủi ro luật pháp**

Rủi ro về luật pháp là những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Để tăng cường hiệu quả quản lý cũng như tạo hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp tăng trưởng và phát triển, Nhà nước đã thực hiện ban hành một loạt các hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Công ty cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ là một doanh nghiệp đại chúng mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan. Luật và các văn bản dưới luật đặc biệt trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn tiềm ẩn và khi xảy ra bất cứ sự thay đổi nào sẽ ít nhiều ảnh hưởng

đến hoạt động quản trị và kinh doanh của Tổng công ty.

Ngoài ra, các chuẩn mực kế toán, kiểm toán mới vẫn đang từng bước xây dựng và hoàn chỉnh nên Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật để kịp thời áp dụng các quy định mới, đảm bảo công tác hạch toán theo đúng pháp luật.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

⚡ Những khó khăn và thuận lợi

a) Khó khăn:

- Chi phí sửa chữa tăng lên do khá nhiều máy móc đến kỳ sửa chữa lớn.
- Tổng công ty yêu cầu đầu tư thêm máy móc thiết bị cũng như nâng cao chất lượng sản phẩm
- Thời tiết không thuận lợi cho việc tiêu thụ bia hơi.

b. Thuận lợi:

- Quá trình kiểm soát máy móc thiết bị và quy trình công nghệ tương đối tốt, chất lượng sản phẩm đảm bảo, không có sản phẩm sai lỗi lớn phải sửa chữa hay hủy bỏ.
 - Chi phí lãi vay thấp.
 - Quý 4 Tổng công ty lấy hàng tốt hơn, Công ty được giao thêm sản lượng.
- ⚡ Các chỉ tiêu đạt được và tình hình hoàn thành kế hoạch

Bảng số 1: Các chỉ tiêu đạt được

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	%tăng/giảm năm 2017 so với năm 2016
1.	Tổng sản lượng bia sản xuất	Triệu lít	48.854	58.333	19.40%
2.	Tổng sản lượng bia tiêu thụ	Triệu lít	49.926	58.663	17.50%
3.	Tổng doanh thu (=DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ + Doanh thu tài chính + Thu nhập khác + Lợi nhuận khác)	Tỷ đồng	477.270	563.410	18.05%
4.	Tổng chi phí (=Giá vốn hàng bán + Chi phí tài chính + Chi phí bán hàng + CP Quản lý doanh nghiệp + Chi phí khác)	Tỷ đồng	436.221	502.726	15.25%
5.	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	41.049	60.683	47.83%
6.	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	37.910	56.067	47.90%

(Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Phú Thọ)



SABECO

2. *Tổ chức và nhân sự*

2.1. Danh sách Ban điều hành

✦ Danh sách Ban Giám đốc, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Văn Thiêng	Giám đốc
2	Vũ Danh Tuyên	Phó Giám đốc
3	Trần Bích Thủy	Kế toán trưởng

✦ Lý lịch thành viên Ban điều hành

BÙI VĂN THIÊNG

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 04/04/1964
- Nơi sinh: Hải Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 013155008 cấp ngày 15/01/2009, nơi cấp : Hà Nội
- Quê quán: Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: A.2107. 173 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0903 278 818
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa thực phẩm
- Quá trình công tác:

Từ 1997 đến 2005 : Cán bộ kỹ thuật Rượu Đồng Xuân

Từ 2005 đến 2006 : P.Giám đốc công ty Rượu Đồng Xuân

Từ 2007 đến 2008 : Giám đốc nhà máy Bia Sài Gòn- Mê Linh

Từ 2009 đến 2010 : Ban Quản lý dự án công ty Bia Sài Gòn- Phú Thọ

Từ 2010 đến 4/2014 : Phó Giám đốc Công ty Bia Sài Gòn- Phú Thọ

Từ 4/2014 đến nay : Giám đốc Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Giám đốc Công ty CP Bia Sài Gòn - Phú Thọ

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- Số cổ phần nắm giữ: 1.403.370 cổ phần, chiếm tỷ lệ 11.227% vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 153.370 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1.227% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 1.250.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 10% vốn điều lệ.

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 6.438 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.051%

vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

VŨ DANH TUYẾN

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 05/05/1973
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 135399459
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0913 371 889
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Từ 2003 đến 2006 : Phó phòng Kế toán Công ty CP Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân

Từ 2006 đến 2007 : Phó KTT Công ty Rượu Đồng Xuân (Nhà máy bia Sài Gòn- Mê Linh)

Từ 2007 đến 2010 : Kế toán dự án Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ

Từ 2010 đến 2014 : Kế toán trưởng Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ

Từ 2014 đến nay : Phó giám đốc Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Phó Giám đốc Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

Trong đó:

- + Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ.
- + Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 5.690 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.045% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

TRẦN BÍCH THUY

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 26/06/1984

- Nơi sinh: Xuân Trung, Xuân Trường, Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 162667636
- Quê quán: Xuân Trung, Xuân Trường, Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Thượng Nông, Tam Nông, Phú Thọ
- Số điện thoại liên lạc: 0979.978.105
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:

Từ 2008 đến 2010 : Nhân viên Công ty SilkRoad Systems Việt Nam

Từ 2010 đến 2013 : Nhân viên Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ

Từ 2013 đến 11/2015 : Phụ trách phòng kế toán Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ

Từ 11/2015 đến nay : Kế toán trưởng Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 % vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu của: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Bảng số 2: Cơ cấu lao động

Cơ cấu lao động	Số người	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ lao động	116	100%
Đại học và trên đại học	40	34.48%
Cao đẳng	17	14.66%
Trung cấp	30	25.86%
Công nhân kỹ thuật	28	24.14%

Lao động phổ thông	1	0.86%
Phân loại theo giới tính	116	100%
Nam	78	67.24%
Nữ	38	32.76%

(Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Phú Thọ)

Chính sách lương thưởng

Bảo đảm thực hiện đầy đủ các chính sách cho người lao động như: trang bị BHLĐ, đóng BHXH, BHYT, BHTN đúng quy định. Thực hiện tốt chính sách và bảo đảm quyền lợi cho người lao động khi nghỉ việc.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, cải thiện thu nhập, quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần cán bộ công nhân viên. Công ty đã xây dựng Quỹ khen thưởng, phúc lợi để thăm hỏi, động viên người lao động một cách kịp thời khi gặp khó khăn trong cuộc sống.

Hàng năm, Công ty tổ chức sơ kết, tổng kết, khen thưởng, khen thưởng đột xuất để khuyến khích động viên người lao động đã có đóng góp cho Công ty. Mức khen thưởng phụ thuộc vào hiệu quả sản xuất của Công ty và hiệu quả kinh tế của tập thể, của người lao động. Những cá nhân, đơn vị không hoàn thành nhiệm vụ được giao làm tổn hại đến kinh tế, vật chất, uy tín của Công ty sẽ được xem xét cụ thể và phải chịu các hình thức kỷ luật, phạt tiền, bồi thường bằng vật chất theo nội dung thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động của Công ty ban hành.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

- a) Tình hình tài chính

Bảng số 3: Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm/
Tổng giá trị tài sản	401.682.889.392	414.831.910.950	3.27%
Doanh thu thuần	477.068.247.590	562.761.710.457	17.96%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	41.718.789.780	60.645.339.717	45.37%
Lợi nhuận khác	(669.119.280)	38.573.817	-105.76%
Lợi nhuận trước thuế	41.049.670.500	60.683.913.534	47.83%

Loại nhiên liệu	Khối lượng	Đơn vị
Điện	5.731.453	kWh
Dầu FO	63.96	tấn
Dầu Diezen	34 000	lít
Khí đốt	984	kg

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Công ty ký hợp đồng mua bán nước với Công ty cổ phần nước sạch Phú Thọ.

- Lượng nước sử dụng trong năm 2017: 330.183 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Năm	2014	2015	2016	2017
Lao động bình quân (người)	108	112	116	116
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	9.2	9.5	11.0	9.5

(Nguồn: Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ)

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động
Thời gian làm việc: 8h/ngày, 44 giờ/tuần, nghỉ trưa 1.5h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản thực hiện theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định còn được hưởng thêm lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng

thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

Định kỳ, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo đúng quy định. Ngoài ra, hàng năm thực hiện đo kiểm môi trường lao động, các lần kiểm tra không có chỉ tiêu nào vượt ngưỡng cho phép

c) **Hoạt động đào tạo người lao động**

Dựa vào nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh hàng năm, Công ty đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng để thu hút người lao động có năng lực. Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự đặc biệt cho từng vị trí, song tất cả các vị trí đều có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, ...

Với những chính sách tuyển dụng có hiệu quả, trong những năm qua Công ty đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ trung và năng động luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cấp kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ. Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn ngày và dài ngày về các nghiệp vụ thuộc các lĩnh vực hoạt động của công ty, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn phổ biến công nghệ cho cán bộ kỹ thuật.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Thực hiện tốt công tác xã hội hoá, chung tay cùng cộng đồng.

Từ năm 2015, Công ty nhận phụng dưỡng, nuôi 02 mẹ Việt Nam anh hùng tại Huyện Cẩm Khê – Phú Thọ (Hiện nay 01 mẹ đã mất). Song song với công tác phụng dưỡng và nuôi bà mẹ Việt Nam Anh hùng, Công ty đã thực hiện chương trình xoá nhà tạm, ủng hộ kinh phí xây nhà cho một số hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Huyện Tam Nông – Phú Thọ.

Tặng quà cho nhân dân tại một số xã thuộc Huyện Tam Nông – Thanh Thủy - Phú Thọ nhân dịp tết nguyên đán.

Thực hiện đầy đủ việc ủng hộ vận động thiên tai, bão lũ, người nghèo.... của cấp trên phát động.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Mặc dù nền kinh tế còn rất nhiều khó khăn nhưng đối với Tổng Công ty cổ phần Bia- Rượu- NGK Sài Gòn, sản lượng bia tiêu thụ vẫn ổn định và tăng trưởng. Đối với Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ là năm thứ 8 chính thức đi vào sản xuất, sản lượng sản xuất bia lon tăng 11.2% so với sản lượng được giao (50 triệu/45 triệu lít/năm), và hoàn thành vượt mức kế hoạch. Riêng đối với bia hơi Sài Gòn, năm thứ 3 ra thị trường nhưng sản lượng tiêu thụ đạt 8.0 triệu lít vượt 14.3 % so với kế hoạch (8.0 triệu/ 7.0 triệu lít/ năm). Các sản phẩm do công ty sản xuất đáp ứng được nhu cầu của khách hàng, không có sản phẩm bị sai lỗi phải thu hồi/ hủy bỏ; máy móc thiết bị được bảo dưỡng, sửa chữa đáp ứng kịp thời với tiến độ sản xuất.

Để đạt được kết quả trên Công ty cổ phần Bia Sài – Phú Thọ đã khắc phục và vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, nắm bắt và khai thác hiệu quả các cơ hội, quản lý hệ thống và điều hành linh hoạt theo diễn biến của thị trường, các kết quả đạt được đã khẳng định rằng năm 2017, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch đã đề ra, tiếp tục khẳng định tính đúng đắn trong chiến lược phát triển của Tổng Công ty trong việc đầu tư xây dựng dự án nhà máy bia Sài Gòn – Phú Thọ.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Bảng số 6: Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	%tăng/giảm năm 2017 so với năm 2016
Tài sản ngắn hạn	126.406.199.090	161.601.759.190	27.84%
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	65.450.008.669	69.829.073.376	6.69%
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	23.816.144.725	47.825.624.239	100.81%
- Phải thu khách hàng	16.334.444.800	24.961.632.800	52.82%
- Trả trước cho người bán	6.785.901.725	22.795.106.995	235,92%
- Phải thu ngắn hạn khác	695.798.200	68.884.444	-90.10%
3. Hàng tồn kho	36.702.599.580	43.622.600.141	18.85%
4. Tài sản ngắn hạn khác	437.446.116	324.461.434	-25.83%
Chi phí trả trước ngắn hạn	437.446.116	324.461.434	-25.83%
Thuế và các khoản phải thu NN	-	-	-
Tài sản dài hạn	275.276.690.302	253.230.151.760	-8.01%

1. Các khoản phải thu dài hạn	490.000.000	490.000.000	0.00%
2. Tài sản cố định	263.286.228.582	241.201.355.049	-8.39%
- Tài sản cố định hữu hình	263.286.228.582	241.201.355.049	-8.39%
3. Tài sản dở dang dài hạn	826.200.000	1.756.529.175	112.60%
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	826.200.000	1.756.529.175	112.60%
4. Tài sản dài hạn khác	10.674.261.720	9.782.267.536	-8.36%

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2017 của Công ty)

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Bảng số 7: Tình hình công nợ

NỢ PHẢI TRẢ	Năm 2016 (Đồng)	Năm 2017 (Đồng)
A. NỢ PHẢI TRẢ	173.981.801.413	167.599.699.505
I. Nợ ngắn hạn	164.981.801.413	153.375.762.505
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	6.000.000.000	53.177.774.633
2. Phải trả cho người bán ngắn hạn	42.218.064.008	8.921.690.336
3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.721.921.770	1.114.189.742
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	100.227.870.562	73.414.282.759
5. Phải trả người lao động	1.888.059.000	1.677.655.300
6. Chi phí phải trả	1.995.815.910	4.625.837.731
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	8.698.875.810	8.967.352.774
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.231.194.353	1.476.979.230
II. Nợ dài hạn	9.000.000.000	14.223.937.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	9.000.000.000	14.223.937.000

(Nguồn: BCTC Kiểm toán năm 2017 của Công ty)

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Những tiến bộ về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy điều hành và lãnh đạo gọn nhẹ, trực tiếp. Dưới Ban Giám đốc có các phòng ban với chức năng và nhiệm vụ công việc cụ thể với sự giám sát và điều hành sát sao của các trưởng bộ phận. Chính sách của công ty đảm bảo theo đúng luật định hiện hành của nhà nước Việt Nam, chính sách nhân sự nhằm thúc đẩy hoạt động của Công ty. Chính sách trả lương cho nhân viên theo năng lực làm việc và chế độ đãi ngộ tốt đã giúp công ty tuyển dụng được những nhân sự có năng lực thực sự, có tâm huyết làm việc cho công ty.

Các biện pháp kiểm soát: Công ty có Ban kiểm soát gồm các thành viên độc lập,

giám sát hoạt động tài chính cũng như quản lý của công ty

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Là đơn vị liên kết của Sabeco, được Sabeco bao tiêu toàn bộ sản phẩm sản xuất (không bao gồm bia hơi), do đó, để tăng năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm. Công ty định hướng phát triển theo mô hình dây chuyền, tự động hóa cao. Xây dựng đội ngũ Cán bộ công nhân viên nhiều kinh nghiệm, năng động, nhiệt tình tâm huyết với công việc.

Giải pháp thực hiện:

- Xây dựng kế hoạch tài chính phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh, chủ động tài chính đảm bảo nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư.
- Xây dựng chế độ tiền lương, tiền thưởng đảm bảo công bằng, công khai, gắn với hiệu quả và chất lượng làm việc nhằm tạo động lực cho người lao động phát huy khả năng trong công việc.
- Kiện toàn bộ máy quản lý, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật để đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

- Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã Chỉ đạo các phòng ban xây dựng các kế hoạch hành động phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty nhằm tư vấn, giám sát việc thực hiện chiến lược và hạn chế rủi ro.
- Phân tích thông tin, đánh giá dự báo xu hướng phát triển các lĩnh vực hoạt động, từ đó hạn chế rủi ro đầu tư trong những năm kế tiếp, đảm bảo phát triển ổn định và bền vững.
- Tập trung hoàn thiện kế hoạch kinh doanh, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2017 tới các phòng ban trong toàn Công ty.
- Kiểm tra việc thực hiện các quy chế quản trị, các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng. Hội đồng quản trị đã tổ chức 11 cuộc họp Hội đồng quản trị (Bao gồm họp định kỳ và lấy ý kiến bằng văn bản), qua đó đã ban hành 11 nghị quyết/quyết định liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo điều lệ Công ty; đã tổ chức thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017, các Nghị quyết và

quyết định của Hội đồng quản trị đảm bảo chấp hành đúng quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Ngành Bia – Rượu – Nước giải khát được đặt mục tiêu xây dựng thành một ngành kinh tế quan trọng, sản xuất ra nhiều sản phẩm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát được sản xuất có chất lượng cao, uy tín, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đa dạng về mẫu mã và chủng loại, có thương hiệu hàng hóa và khả năng cạnh tranh trong quá trình hội nhập với khu vực và thế giới. Cụ thể, Bộ Công Thương đặt mục tiêu năm 2015 đạt sản lượng 4.0 tỷ lít, đến năm 2025 phải đạt 6.0 tỷ lít với sản phẩm xuất khẩu đạt hàng trăm triệu đô la. Đối với công ty Cổ phần Bia Sài Gòn- Phú Thọ ưu tiên định hướng để phát triển:

- Công ty tập trung cho việc sản xuất các sản phẩm bia có chất lượng và uy tín trên thị trường góp phần xây dựng thương hiệu Bia Sài Gòn ngày càng vững mạnh để giữ vững vị thế và thị phần trên thị trường Việt Nam.
- Kết hợp đồng thời mục tiêu tăng trưởng sản lượng và lợi nhuận với tăng năng lực cạnh tranh lành mạnh trên thị trường trên cơ sở tận dụng các lợi thế sẵn có với nền tảng tài chính lành mạnh.
- Gia tăng năng lực quản trị trên cơ sở hoàn thiện phương thức quản trị trên nền đội ngũ quản lý có chất lượng cao.
- Gia tăng cải thiện ứng dụng công nghệ thông tin trong khâu sản xuất và quản trị doanh nghiệp.
- Luôn thực hiện tốt cam kết bảo vệ môi trường đi đôi với việc sản xuất và kinh doanh. Đồng thời, Công ty tham gia các chương trình chung tay cùng cộng đồng thông qua việc triển khai các chương trình an sinh xã hội
- Tập trung cải tạo, mở rộng đồng bộ hóa thiết bị.

V. Quản trị công ty.

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ có 05 (ba) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị của Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Châu	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Không điều hành
2	Võ Sỹ Dờng	Ủy viên Hội đồng quản trị	Không điều hành

3	Nguyễn Thu Hương	Ủy viên Hội đồng quản trị	Không điều hành
4	Bùi Văn Thiêng	Ủy viên Hội đồng quản trị	Điều hành
5	Lê Hoài Thanh	Ủy viên Hội đồng quản trị	Không điều hành

NGUYỄN NGỌC CHÂU

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 23/02/1961
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 024668404 cấp ngày 02/01/2007, nơi cấp: TP Hồ Chí Minh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 33/6 Lý Văn Phúc. P. Tân Định, Quận Một, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc: 0903 708 206
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ, cử nhân quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - Từ 1982 đến 1989 : Cán bộ kỹ thuật Nhà máy sợi Đông Nam, Bộ Công nghiệp nhẹ*
 - Từ 1989 đến 1993 : Phó Quản đốc xưởng sợi, Nhà máy sợi Đông Nam, Bộ Công nghiệp nhẹ.*
 - Từ 1993 đến 1994 : Trợ lý Tổng giám đốc Công ty dệt Đông Nam, Bộ Công nghiệp nhẹ*
 - Từ 1994 đến 2001 : Trưởng phòng kỹ thuật đầu tư Công ty dệt Đông Nam, Bộ Công nghiệp*
 - Từ 1998 đến 2004 : Phó tổng giám đốc Công ty dệt Đông Nam, Bộ Công nghiệp (Kiêm nhiệm Trưởng phòng kỹ thuật đầu tư từ 1998 – 2001*
 - Từ 12/2004 đến 07/2005 : Chuyên viên Văn phòng HĐQT Tổng công ty Bia, Rượu, NGK Sài Gòn*
 - Từ 08/2005 đến 04/2006 : Giám đốc Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Sóc Trăng, Tổng công ty Bia, Rượu, NGK Sài Gòn.*
 - Từ 05/2006 đến 07/2007 : Phó giám đốc Công ty cổ phần bia Sài Gòn – Miền Tây, kiêm Giám đốc nhà máy bia Sài Gòn – Sóc Trăng, Tổng công ty Bia, Rượu, NGK Sài Gòn*
 - Từ 07/2007 đến : Trưởng ban QLDA Nhà máy bia Sài Gòn – Phú Thọ*

2010

Từ 2010 đến 2012 : Giám đốc Công ty cổ phần Bia Sài Gòn- Phú Thọ

Từ 03/2016 đến : Chủ tịch công đoàn Tổng Công ty CP Bia, Rượu, NGK Sài Gòn nay

Từ 2012 đến nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch công đoàn Tổng Công ty CP Bia, Rượu, NGK Sài Gòn
- Số cổ phần nắm giữ 2.128.750 cổ phần, chiếm tỷ lệ 17.03% vốn điều lệ.
Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu của Tổng Công ty Bia Rượu NGK Sài Gòn: 2.128.750 cổ phần, chiếm tỷ lệ 17.03% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

VỒ SỸ DŨNG

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 18/8/1949
- Nơi sinh: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 013003267 cấp ngày 01/09/2007, nơi cấp: Hà Nội
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Phòng 2006, tòa nhà Vincom center số 114 Mai Hắc Đế, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0913 282 400
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ giấy
- Quá trình công tác:
 - Từ 12/1974 đến 06/1980 : Cán bộ kỹ thuật- Ban kiến thiết chuẩn bị sản xuất- Nhà máy giấy Vĩnh Phú
 - Từ 07/1980 đến 07/1981 : Trưởng ngành bột nhà máy Giấy Vĩnh Phú

- Từ 08/1981 đến 07/1987 : Phó quản đốc phân xưởng bột Nhà máy Giấy Bãi Bằng
- Từ 02/1987 đến 12/1989 : Phó Giám đốc Xí nghiệp sản xuất Công ty Giấy Bãi Bằng
- Từ 01/1990 đến 03/1993 : Phó Giám đốc Nhà máy Giấy Công ty Giấy Bãi Bằng
- Từ 04/1993 đến 07/1995 : Giám đốc nhà máy Giấy Công ty Giấy Bãi Bằng
- Từ 08/1995 đến 06/2004 : Phó Tổng Giám đốc Công ty Giấy Bãi Bằng
- Từ 06/2004 đến 2007 : Tổng Giám đốc Công ty Giấy Bãi Bằng
- Từ 2007 đến 2011 : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ, Tổng Giám đốc Công ty Giấy Bãi Bằng
- Từ năm 2011 đến nay : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ.

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Ủy viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch hội đồng quản trị công ty văn phòng phẩm Hồng Hà; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hóa chất Đại Thịnh; Tổng Giám đốc Công ty CP sản Sơn Sơn; ủy viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn - Phú Thọ; ủy viên HĐQT Công ty CP Hóa chất Đông Á
- Số cổ phần nắm giữ: 1.053.676 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8.43% vốn điều lệ.
Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 1.053.676 cổ phần, chiếm tỷ lệ 8.43% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu của 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

NGUYỄN THU HƯƠNG

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 28/05/1980
- Nơi sinh: Hà Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 011891761 cấp ngày 13/05/2007, nơi cấp : Hà Nội
- Quê quán: Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: Số 10, Ngõ 58, Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0904 316 767

- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Chuyên ngành Công nghệ thông tin
- Quá trình công tác:
 - Từ 2002 đến 2006* : Cán bộ chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Thăng Long
 - Từ 2007 đến 2012* : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ, Giám đốc Công ty cổ phần Thương mại Mặt Trời Vàng
 - Từ năm 2012 đến nay* : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ, Giám đốc Công ty cổ phần Thương mại Mặt Trời Vàng
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Ủy viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám Đốc Công ty CP thương mại Mặt Trời Vàng
- Số cổ phần nắm giữ: 655.266 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5.24% vốn điều lệ.
Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 655.266 cổ phần, chiếm tỷ lệ 5.24 % vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 234.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1.87% vốn điều lệ.
Trong đó :
 - + Chồng Hoàng Công Thái nắm giữ: 234.300 cổ phần, chiếm 1.87% vốn điều lệ
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

LÊ HOÀI THANH

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 10/03/1973
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 011660478 cấp ngày 15.03.2011 nơi cấp : Hà Nội
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 01 Ngõ 52 Giang Văn Minh, Ba Đình, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc: 0914888073
- Trình độ văn hoá: 12/12



SABECO

- Trình độ chuyên môn: Tư vấn viên
- Quá trình công tác:
 - Từ 2007 đến nay : Phó giám đốc công ty TNHH Tư vấn Havi Việt Nam*
 - Từ tháng 12/2011 đến nay : Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Một thành viên Havi 168*
 - Từ tháng 5/ 2017 đến nay : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn – Phú Thọ*
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Ủy viên HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó Giám đốc công ty TNHH Tư vấn Havi Việt Nam ; Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Một thành viên Havi 168
- Số cổ phần nắm giữ: 254.230 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2.0% vốn điều lệ.
Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 254.230 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2.0% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

BÙI VĂN THIỀNG

Đã nêu ở phần lý lịch Ban điều hành

- b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không
- c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Bảng số 8: Các quyết định, nghị quyết của HĐQT năm 2017

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01A/2017/NQ-HĐQT ngày 03/01/2017	03/01/2017	Bổ nhiệm chức vụ giám đốc đối với ông Bùi Văn Thiềng
2	01/2017/NQ-HĐQT ngày 10/03/2017	10/03/2017	Nghị quyết HĐQT về việc xin gia hạn tổ chức ĐHCĐ
3	02/2017/NQ- HĐQT ngày 21/04/2017	21/04/2017	Họp định kỳ quý 1 và thông qua các tài liệu họp đại hội cổ đông 2017
4	03/2017/NQ- HĐQT ngày 21/05/2017	21/05/2017	Nghị quyết HĐQT về việc mua hơi nóng của Công ty TNHH Năng lượng xanh Phú thọ
5	03A/2017/NQ- HĐQT ngày 27/5/2017	27/05/2017	Nghị quyết về bổ nhiệm chức danh chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022
6	04/2017/NQ- HĐQT	30/05/2017	Nghị quyết HĐQT về việc chốt danh

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
	ngày 30/5/2017		sách cổ đông và thời gian chi trả cổ tức năm 2016
7	05/2017/NQ-HĐQT ngày 06/06/2017	06/06/2017	Nghị quyết HĐQT về việc chọn công ty kiểm toán
8	06/2017/NQ-HĐQT ngày 05/07/2017	05/07/2017	Họp định kỳ quý 2
9	07/2017/NQ-HĐQT ngày 11/09/2017	11/09/2017	Nghị quyết về việc thông qua tờ trình nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng trong khu vực sản xuất
10	08/2017/NQ-HĐQT ngày 14/10/2017	14/10/2017	Họp định kỳ quý 3
11	09/2017/NQ- HĐQT ngày 19/12/2017	19/12/2017	Họp định kỳ quý 4

(Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Phú Thọ)

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát của Công ty có 03 (ba) thành viên. Các thành viên của ban kiểm soát có nhiệm kỳ 05 (năm) năm, thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Tiến Thọ	Trưởng ban kiểm soát
2	Bà Đoàn Thị Xuân Duyên	Ủy viên Ban Kiểm soát
3	Nguyễn Thị Hương Giang	Ủy viên Ban Kiểm soát

NGUYỄN TIẾN THỌ

- Giới tính: Nam
- Ngày/ tháng/ năm sinh: 15/08/1956
- Nơi sinh: Phú Thọ
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 130.833.297 cấp ngày 22/12/2004 , nơi cấp : CA Phú Thọ
- Quê quán: Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú: số 45, Tờ 4B, Phường Nông Trang ,TP Việt Trì, Phú Thọ
- Số điện thoại liên lạc: 0913 517 431
- Trình độ văn hoá: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Từ tháng 01/2004 đến : Trưởng phòng Nghiệp vụ thuế - Cục thuế tỉnh Phú Thọ

Từ tháng 7/2012 đến : Trưởng phòng Thanh tra thuế - Cục thuế tỉnh Phú Thọ.

Từ tháng 8/2014 đến : Trưởng phòng Kiểm tra thuế số 1 – Cục thuế tỉnh Phú Thọ.

Từ tháng 9/2016 đến nay : Nghỉ hưu theo chế độ

Từ tháng 5/2017 đến nay : Trưởng Ban Kiểm soát công ty cổ phần Bia Sài Gòn- Phú Thọ.

- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ.

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

- Số cổ phần nắm giữ: 2300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.0184 % vốn điều lệ.

Trong đó:

+ Cổ phần sở hữu cá nhân: 2300 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.0184% vốn điều lệ.

+ Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không

- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

ĐOÀN THỊ XUÂN DUYÊN

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 10/03/1988
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 024115307 cấp ngày 17/03/2003 , nơi cấp : CA TP. HCM

- Quê quán: Hà Nam
- Địa chỉ thường trú: số 14 Nguyễn Tiểu La, Phường 5, Quận 10, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc: 0909 839 031
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài Chính- Ngân Hàng
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 08/2010 đến 9/2013 : Nhân viên Giám sát tín dụng Ngân hàng TMCP Á Châu*
 - Từ tháng 9/2013 đến 3/2014 : Nhân viên quan hệ khách hàng Phòng doanh nghiệp lớn Ngân hàng Á Châu.*
 - Từ tháng 4/ 2014 đến 8/2014 : Nhân viên tổng hợp Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Bắc Sài Gòn*
 - Từ tháng 3/2015 đến tháng 3/2016 : Chuyên viên hoạch định ngân sách Ban tài chính – TCT cổ phần Bia- Rượu- NGK Sài Gòn*
 - Từ tháng 3/2016 đến tháng 10/2016 : Chuyên viên hoạch định ngân sách Ban Kế hoạch- Tổng hợp – TCT cổ phần Bia- Rượu- NGK Sài Gòn.*

 - Từ tháng 10/2016 đến nay : Chuyên viên hoạch định ngân sách Ban Kế hoạch Tổng hợp- TCT cổ phần Bia- Rượu- NGK Sài Gòn.
Thành viên HĐQT Công ty cổ phần kinh doanh lương thực thực phẩm Trường Sa*
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Ủy viên Ban kiểm soát Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT công ty cổ phần kinh doanh lương thực thực phẩm Trường Sa.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 28/10/1984
- Nơi sinh: Phú Thọ

-
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Số CMND: 131589129 cấp ngày 24/10/2011, nơi cấp: Phú Thọ
- Quê quán: Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú: Khu Tâm Vông, TT Phong Châu, Phù Ninh, Phú Thọ
- Số điện thoại liên lạc: 0985 560 810
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ 2007-2008 : Nhân viên Kế toán Công ty TNHH SX và TMTH Hưng Thành*
 - Từ 2009 – 06/2012 : Kế toán trưởng Công ty TNHH SX và TMTH Hưng Thành*
 - Từ 06/2012 đến nay : Ủy viên Ban kiểm soát Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ, Kế toán trưởng Công ty TNHH SX và TMTH Hưng Thành*
- Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty: Ủy viên BKS Công ty CP Bia Sài Gòn- Phú Thọ
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty TNHH SX và TMTH Hưng Thành
- Số cổ phần nắm giữ: 185.932 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1.49% vốn điều lệ.
 - Trong đó:
 - + Cổ phần sở hữu cá nhân: 185.932 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1.49% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0 vốn điều lệ
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.
- Các khoản nợ đối với Công ty: không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: không
- b) Hoạt động của Ban kiểm soát:
 - Trong năm 2017, BKS đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty.
 - BKS đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị (HDQT), Ban giám đốc (BGĐ) năm 2017 cụ thể:
 - Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HDQT, BGĐ trong năm 2017;
 - Tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với HDQT, BGĐ về các vấn đề liên quan tới hoạt động của công ty trong năm;



- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017 đối với HĐQT và BGD;
 - Thẩm định báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm nhằm đánh giá trung thực và hợp lý các số liệu tài chính
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát
- a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát:

Bảng số 9: Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thưởng (VNĐ)	Thù lao, Lương (VNĐ)	Tổng thu nhập (VNĐ)	Ghi chú
1	Nguyễn Ngọc Châu	Chủ tịch HĐQT	165.088.228	108.000.000	273.088.228	
2	Võ Sỹ Dũng	TV HĐQT	97.331.579	75.600.000	172.931.579	
3	Nguyễn Thu Hương	TV HĐQT	97.331.579	75.600.000	172.931.579	
4	Bùi Văn Thiêng	TV HĐQT GD công ty	208.435.811	759.175.106	967.610.917	Bổ nhiệm TV HĐQT ngày 27-05-2017
5	Lê Hoài Thanh	TV HĐQT	12.600.000	44.100.000	56.700.000	Bổ nhiệm ngày 27-05-2017
6	Nguyễn Tiến Thọ	TBKS	33.595.000	49.000.000	82.595.000	Bổ nhiệm ngày 27.05.17
7	Nguyễn Thanh Thủy	TBKS	74.831.579	31.500.000	106.331.579	Hết nhiệm kỳ ngày 27.05.17
8	Nguyễn Thị Thùy	TV BKS	18.707.895	20.250.000	38.957.895	Hết nhiệm kỳ

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thưởng (VNĐ)	Thù lao, Lương (VNĐ)	Tổng thu nhập (VNĐ)	Ghi chú
	Linh					27.05.2017
9	Đoàn Thị Xuân Duyên	TV BKS	8.100.000	28.350.000	36.450.000	Bổ nhiệm ngày 27.05.2017
10	Nguyễn Thị Hương Giang	TV BKS	26.807.895	48.600.000	75.407.895	
11	Vũ Danh Tuyên	P GD	117.150.739	528.014.875	645.165.614	

(Nguồn: CTCP Bia Sài Gòn – Phú Thọ)

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

STT	Tên hợp đồng /giao dịch và ký hiệu	Đơn vị thực hiện	Quan hệ với công ty/ người nội bộ
1	Hợp đồng hợp tác sản xuất và mua bán hàng hóa Số 01/2017/HĐ/BSG-TM-HTSX Ký ngày 30/12/2016	Tổng công ty CP Bia, Rượu, NGK Sài Gòn	Công ty liên kết
2	Hợp đồng mua bán nguyên vật liệu và kiểm soát sản xuất năm 2017 Số 01-2017/HTSX-MH ký ngày 30/3/2017	Tổng công ty CP Bia, Rượu, NGK Sài Gòn	Công ty liên kết
3	Hợp đồng tổ chức tour du lịch với công ty cổ phần Hưng Long, số 18/2017/HDDV ngày 29/04/2017 giữa công ty cổ phần Bia Sài Gòn- Phú Thọ với công ty cổ phần Hưng Long	Công ty cổ phần Hưng Long	Công ty liên quan với Ông Nguyễn Ngọc Châu- Chủ tịch HĐQT
4	Duy trì Hợp đồng phân phối bia hơi số 46/TTBH-SGPT/2015 ngày 01/9/2015	Nhà phân phối Rượu, Bia, NGK Thái Hưng	Chồng của kế toán trưởng làm chủ hộ kinh doanh
5	Duy trì Hợp đồng số 2704/SGPT-CX ngày 27/4/2015, phụ lục số	Công ty TNHH Thương Mại Chiêu Xuân	Vợ của phó giám đốc là

STT	Tên hợp đồng /giao dịch và ký hiệu	Đơn vị thực hiện	Quan hệ với công ty/ người nội bộ
	hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/01/2016, hợp đồng phân phối bia hơi ngày 14/5/2015.		thành viên HĐQT.
6	Hợp đồng nguyên tắc mua bán dung dịch NaOH 32% Số: 2910 /2016 /HDDV Ngày ký 29/10/2016	Công ty TNHH Tân Hạnh Nguyên	Con trai ông Võ Sỹ Dũng (TVHQQT) làm Giám đốc
7	Hợp đồng cung cấp dịch vụ số 17/2016/HDDV Ngày ký 30/12/2016 giữa Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn- Phú Thọ và Nhà phân phối Rượu, Bia, NGK Thái Hưng	Nhà phân phối Rượu, Bia, NGK Thái Hưng	Chồng của kế toán trưởng làm chủ hộ kinh doanh
8	Hợp đồng bảo dưỡng thiết bị sản xuất định kỳ số 31/HĐ-2017/SGPT-CKSBC giữa Công ty cổ phần Bia Sài Gòn- Phú Thọ với công ty Công ty TNHH MTV cơ khí Sabeco	Công ty TNHH MTV cơ khí Sabeco	Công ty cùng hệ thống
9	Hợp đồng đào tạo brewmaster của VLB tại BerLin và TP Hồ Chí Minh số 1723/HĐ-TTĐT-2017 giữa Công ty cổ phần Bia Sài Gòn- Phú Thọ với Trung tâm đào tạo và nghiên cứu công nghệ đồ uống và thực phẩm Sabeco	Trung tâm đào tạo và nghiên cứu công nghệ đồ uống và thực phẩm Sabeco	Đơn vị cùng hệ thống

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đã thực hiện công bố đầy đủ và đúng hạn các báo cáo tài chính bán niên, quý và báo cáo kiểm toán năm 2017, các thông tin về hoạt động kinh doanh, tài chính và quản trị công ty cho cổ đông và công chúng theo quy định của pháp luật.

Các nội dung được ghi nhận theo Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13, Luật chứng khoán, thông tư 121/2012/TT_BTC được công ty sửa đổi vào điều lệ công ty được đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 27.05.2017.

Công ty đã thực hiện bầu cử thành viên HĐQT và Ban kiểm soát trong kỳ đại hội đồng cổ đông năm 2017. Theo đó, số thành viên HĐQT công ty đã tăng từ 03 thành viên thành 05 thành viên theo quy định của thông tư 121/2012/TT_BTC về quản

trị công ty đại chúng.

Ngày 06/06/2017 Chính phủ đã ban hành nghị định số 71/2017/NĐ-CP về hướng dẫn quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng. Ngày 22 tháng 09 năm 2017, Bộ Tài chính ban hành thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng. Các nội dung được ghi nhận tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP và Thông tư số 95/2017/TT-BTC sẽ được công ty cập nhật, sửa đổi, bổ sung vào Điều lệ công ty và quy chế quản trị nội bộ trình Đại hội cổ đông thông qua tại đại hội đồng cổ đông năm 2018.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã đề cập phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán và kiểm toán.

(Chi tiết báo cáo tài chính đính kèm)

Địa chỉ công bố Báo cáo tài chính:

<http://saigonphutho.com.vn/>

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – PHÚ THỌ

Người đại diện theo pháp luật



Bùi Văn Thiềng

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 29

2600
C
C
BIA
PI
M N
03052
C
TRÁCH
DỊCH
TÀI CH
VÀ
N
INT -

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Khái quát

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ là Công ty Cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600392941 ngày 30 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp và các giấy chứng nhận sửa đổi bổ sung kèm theo.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là:

- Sản xuất, kinh doanh bia;
- Kinh doanh, cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
- Mua bán vật tư nguyên liệu, phụ tùng phục vụ sản xuất kinh doanh ngành bia, rượu, nước giải khát.

Trụ sở chính của Công ty tại Khu công nghiệp Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Châu	Chủ tịch
Ông Võ Sỹ Dũng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thu Hương	Ủy viên
Ông Bùi Văn Thiêng	Ủy viên (từ ngày 27/5/2017)
Bà Lê Hoài Thanh	Ủy viên (từ ngày 27/5/2017)

Ban Giám đốc

Ông Bùi Văn Thiêng	Giám đốc
Ông Vũ Danh Tuyên	Phó Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Tiến Thọ	Trưởng ban (từ ngày 27/5/2017)
Bà Nguyễn Thanh Thủy	Trưởng ban (đến ngày 27/5/2017)
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên
Bà Đoàn Thị Xuân Duyên	Thành viên (từ ngày 27/5/2017)
Bà Nguyễn Thị Thủy Linh	Thành viên (đến ngày 27/5/2017)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

3938
NG
PH
SÀI
GÒN
PHÚ
THỌ
1388
ÔNG T
NHIỆM B
VỤ T
CHẾ K
KIỂM T
AM VII
P. HỒ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Giám đốc



Bùi Văn Thiêng
Giám đốc

Ngày 06 tháng 02 năm 2018

041 -
TY
AN
GON
HO
- T. PHU
TAM
T. HAN
VAN
TOAN
DAN
T
CHINH
OU

Số : 28-2/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ, được lập ngày 06 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Phú Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 23 tháng 01 năm 2017.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Chủ tịch Hội đồng thành viên



Nguyễn Thị Lan

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0167-2018-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2018

Kiểm toán viên

Bùi Thị Ngọc Lân

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0300-2018-152-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		161.601.759.190	126.406.199.090
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	69.829.073.376	65.450.008.669
1. Tiền	111		629.073.376	1.050.008.669
2. Các khoản tương đương tiền	112		69.200.000.000	64.400.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		47.825.624.239	23.816.144.725
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	24.961.632.800	16.334.444.800
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	22.795.106.995	6.785.901.725
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	68.884.444	695.798.200
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
III. Hàng tồn kho	140	V.5	43.622.600.141	36.702.599.580
1. Hàng tồn kho	141		43.622.600.141	36.702.599.580
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		324.461.434	437.446.116
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	324.461.434	437.446.116
2. Thuê và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		253.230.151.760	275.276.690.302
I. Các khoản phải thu dài hạn	220		490.000.000	490.000.000
1. Phải thu dài hạn khác		V.4b	490.000.000	490.000.000
II. Tài sản cố định	220		241.201.355.049	263.286.228.582
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	241.201.355.049	263.286.228.582
- Nguyên giá	222		454.409.767.095	441.367.314.126
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(213.208.412.046)	(178.081.085.544)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.756.529.175	826.200.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	1.756.529.175	826.200.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		9.782.267.536	10.674.261.720
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	9.782.267.536	10.674.261.720
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		414.831.910.950	401.682.889.392

3039
 CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ
 VÒNG
 3052
 Trách nhiệm Kế toán
 Dịch vụ
 Tài chính và Kế toán
 và Kế toán
 1-7

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		167.599.699.505	173.981.801.413
I. Nợ ngắn hạn	310		153.375.762.505	164.981.801.413
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.09	8.921.690.336	42.218.064.008
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.114.189.742	1.721.921.770
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	73.414.282.759	100.227.870.562
4. Phải trả người lao động	314		1.677.655.300	1.888.059.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	4.625.837.731	1.995.815.910
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	8.967.352.774	8.698.875.810
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	53.177.774.633	6.000.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.476.979.230	2.231.194.353
II. Nợ dài hạn	330		14.223.937.000	9.000.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	14.223.937.000	9.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		247.232.211.445	227.701.087.979
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	247.232.211.445	227.701.087.979
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		125.000.000.000	125.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.000.000.000	125.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		23.517.055.477	23.517.055.477
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		98.715.155.968	79.184.032.502
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		45.647.907.256	44.914.445.532
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		53.067.248.712	34.269.586.970
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		414.831.910.950	401.682.889.392

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Bích Thuý

Ngày 06 tháng 02 năm 2018



Trần Bích Thuý



Bùi Văn Thiêng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	564.925.200.818	478.598.197.772
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.163.490.361	1.529.950.182
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		562.761.710.457	477.068.247.590
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	481.295.330.657	414.337.923.828
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81.466.379.800	62.730.323.762
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	606.841.307	177.497.138
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	2.337.849.018	2.889.949.218
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.337.849.018	3.090.588.162
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	5.583.157.848	5.915.978.507
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	13.506.874.524	12.383.103.395
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60.645.339.717	41.718.789.780
11. Thu nhập khác	31	VI.8	41.951.226	24.560.782
12. Chi phí khác	32	VI.9	3.377.409	693.680.062
13. Lợi nhuận khác	40		38.573.817	(669.119.280)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		60.683.913.534	41.049.670.500
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	4.616.664.822	3.138.885.263
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		56.067.248.712	37.910.785.237
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	4.245	2.559
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	4.245	2.559

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Bích Thuý

Trần Bích Thuý

Bùi Văn Thiêng

Ngày 06 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	60.683.913.534	41.049.670.500
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	35.127.326.502	31.911.822.100
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(606.841.307)	157.213.030
- Chi phí lãi vay	06	2.337.849.018	3.090.588.162
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	97.542.247.747	76.209.293.792
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(10.114.762.070)	19.441.268.601
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(6.920.000.561)	7.086.195.689
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(57.228.575.828)	40.342.823.813
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.004.978.866	(5.025.726.662)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.259.599.018)	(3.129.294.516)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.905.849.104)	(2.587.591.862)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(6.040.340.369)	(4.871.910.154)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.078.099.663	127.465.058.701
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(27.798.615.144)	(39.710.801.290)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	9.100.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	474.471.555	59.224.080
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(27.324.143.589)	(39.642.477.210)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	407.064.166.044	495.297.957.500
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(354.662.454.411)	(577.030.409.512)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(31.776.603.000)	(31.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	20.625.108.633	(112.982.452.012)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	4.379.064.707	(25.159.870.521)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	65.450.008.669	90.609.879.190
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	69.829.073.376	65.450.008.669

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Bích Thủy

Trần Bích Thủy

Bùi Văn Thiêng

Ngày 06 tháng 02 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Phú Thọ là Công ty Cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600392941 ngày 30 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp và các giấy chứng nhận sửa đổi bổ sung kèm theo.

Trụ sở chính của Công ty tại KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm là:

- Sản xuất, kinh doanh bia;
- Kinh doanh, cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
- Mua bán vật tư nguyên liệu, phụ tùng phục vụ sản xuất kinh doanh ngành bia, rượu, nước giải khát.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh. Mức trích dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

0003
CÔNG
CỔ
IA S
PHU
NÔNG
0305
TRÁC
DỊCH
TÀI C
VÀ
17

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà xưởng và vật kiến trúc	12 - 48 năm
- Máy móc thiết bị	3 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	5 - 12 năm
- Thiết bị quản lý	3 - 10 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

394
GTY
HÀ
IG
THO
- T

138
ÔNG
NHIỆM
VỤ T
INH K
TIÊM T
AM VI
P. H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty sẽ được chia cho các cổ đông, cổ tức được ghi nhận theo đề nghị của Hội đồng quản trị trong việc phân phối lợi nhuận trình Đại hội cổ đông.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyên nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 18221000027 ngày 25 tháng 10 năm 2007 cấp bởi Ban Quản lý các khu công nghiệp Phú Thọ, Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% trong 12 năm kể từ ngày nhà máy đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo.

18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	409.923.136	190.057.716
Tiền gửi ngân hàng	219.150.240	859.950.953
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn)	69.200.000.000	64.400.000.000
Cộng	69.829.073.376	65.450.008.669

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tổng Công ty CP Bia-Rượu-Nước Giải Khát Sài Gòn	24.891.438.000	16.276.994.800
Phải thu khách hàng khác	70.194.800	57.450.000
Cộng	24.961.632.800	16.334.444.800

Phải thu ngắn hạn là các bên liên quan

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tổng Công ty CP Bia-Rượu-Nước Giải Khát Sài Gòn	24.891.438.000	16.276.994.800
Cộng	24.891.438.000	16.276.994.800

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Môi trường Hồng Anh	2.507.272.727	2.507.272.727
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Ứng dụng tự động A2S	-	1.814.279.800
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Đại Nam	-	1.038.142.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 01 Hà Đông	16.223.937.000	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	4.063.897.268	1.426.206.698
Cộng	22.795.106.995	6.785.901.725

4. Phải thu khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	68.884.444	695.798.200
Tạm ứng	-	695.798.200
Phải thu khác	68.884.444	-
- Lãi tiền gửi dự thu	68.884.444	-
b) Phải thu dài hạn khác	490.000.000	490.000.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn	490.000.000	490.000.000
Cộng	558.884.444	1.185.798.200

26003
CƠ
CƠ
BIA S
PH
NÔNG

03052
TRÁCH
DỊCH
TÀI CH
VÀ K
N
VI-T

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	25.236.979.233	-	20.624.138.852	-
Công cụ, dụng cụ	7.983.332.497	-	3.263.085.299	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.054.310.804	-	7.575.469.440	-
Thành phẩm	2.347.977.607	-	5.239.905.989	-
Cộng	43.622.600.141	-	36.702.599.580	-

6. Chi phí trả trước

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn	324.461.434	437.446.116
Chi phí sửa chữa tài sản	243.767.248	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	329.171.098
Chi phí bảo hiểm	80.694.186	108.275.018
b) Chi phí trả trước dài hạn	9.782.267.536	10.674.261.720
Chi phí sửa chữa tài sản	1.285.422.389	-
Chi phí tiền thuê đất	1.721.524.320	2.151.905.400
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	6.775.320.827	8.522.356.320
Cộng	10.106.728.970	11.111.707.836

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Hệ thống xử lý nước thải	826.200.000	826.200.000
Xây dựng kho thành phẩm	930.329.175	-
Cộng	1.756.529.175	826.200.000

7394
 CÔNG TY
 PHẢI
 SÀI G
 J TH
 G - Y
 1386
 CÔNG T
 NHẬN P
 VỤ T
 NH K
 TIẾM T
 AM VI
 P. H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	101.003.749.805	331.158.343.984	7.356.335.259	1.848.885.078	441.367.314.126
Mua trong năm	-	11.714.056.568	590.000.000	55.363.636	12.359.420.204
Đầu tư XDCB hoàn thành	683.032.765	-	-	-	683.032.765
Số dư cuối năm	101.686.782.570	342.872.400.552	7.946.335.259	1.904.248.714	454.409.767.095
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	20.397.737.350	153.479.760.331	3.735.502.077	468.085.786	178.081.085.544
Khấu hao trong năm	3.791.881.388	30.429.737.514	686.050.419	219.657.181	35.127.326.502
Số dư cuối năm	24.189.618.738	183.909.497.845	4.421.552.496	687.742.967	213.208.412.046
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	80.606.012.455	177.678.583.653	3.620.833.182	1.380.799.292	263.286.228.582
Tại ngày cuối năm	77.497.163.832	158.962.902.707	3.524.782.763	1.216.505.747	241.201.355.049

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 217.059.880.292 đồng (tại ngày 31/12/2016 là 250.450.693.827 đồng)

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.508.532.515 đồng (tại ngày 31/12/2016 là 781.955.379 đồng)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn	5.552.101.004	36.815.200.889
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Nam Ninh	-	1.318.944.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Xanh - Phú Thọ	1.355.389.883	1.352.766.800
Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	2.014.199.449	2.731.152.319
Cộng	8.921.690.336	42.218.064.008

Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tổng Công ty CP Bia-Rượu -Nước Giải Khát Sài Gòn	5.552.101.004	36.815.200.889
Nhà phân phối rượu, bia, nước giải khát Thái Hưng	129.697.320	100.320.636
Cộng	5.681.798.324	36.915.521.525

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Thuế phải nộp	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	17.292.389.510	56.829.927.421	64.415.319.933	9.706.996.998
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	70.992.949	70.992.949	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	81.305.233.372	442.691.943.777	461.500.993.324	62.496.183.825
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.315.458.581	4.616.664.822	4.905.849.104	1.026.274.299
Thuế thu nhập cá nhân	314.789.099	1.694.368.756	1.824.330.218	184.827.637
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	100.227.870.562	505.906.897.725	532.720.485.528	73.414.282.759

11. Chi phí phải trả

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Chi phí phải trả ngắn hạn	4.625.837.731	1.995.815.910
Chi phí lãi vay	110.837.731	18.750.000
Chi phí sửa chữa	2.020.000.000	-
Các khoản trích trước khác	2.495.000.000	1.977.065.910
b) Chi phí phải trả dài hạn	-	-
Cộng	4.625.837.731	1.995.815.910

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

12. Các khoản phải trả khác

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải trả ngắn hạn khác	8.967.352.774	8.698.875.810
Kinh phí công đoàn	24.103.524	23.292.560
Nhận ký quỹ, ký cược	6.103.700.000	5.028.200.000
Cổ tức phải trả	2.839.549.250	3.366.152.250
Phải trả khác	-	281.231.000
b) Phải trả dài hạn khác	-	-
Cộng	8.967.352.774	8.698.875.810

13. Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017
	Giá trị		Tăng	Giảm	Giá trị
	VND		VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	6.000.000.000	401.840.229.044	354.662.454.411	53.177.774.633	53.177.774.633
Vay ngân hàng	-	395.840.229.044	348.662.454.411	47.177.774.633	47.177.774.633
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh ⁽ⁱ⁾	-	395.840.229.044	348.662.454.411	47.177.774.633	47.177.774.633
Vay dài hạn đến hạn trả	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh ⁽ⁱⁱ⁾	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
b) Vay dài hạn	9.000.000.000	11.223.937.000	6.000.000.000	14.223.937.000	14.223.937.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh ⁽ⁱⁱ⁾	9.000.000.000	11.223.937.000	6.000.000.000	14.223.937.000	14.223.937.000
Cộng	15.000.000.000	413.064.166.044	360.662.454.411	67.401.711.633	67.401.711.633

i) Vay ngắn hạn là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương VN – Chi nhánh Quang Minh theo hợp đồng vay số 14.46.001/2017-HDTHM/NHCT264-BIASGPT ngày 20/01/2017. Hạn mức 100.000.000.000 đồng nhằm bổ sung vốn thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay tối đa không quá 03 tháng. Lãi suất vay trong năm là 5%/năm.

ii) Vay dài hạn là khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương VN – Chi nhánh Quang Minh theo các hợp đồng vay:

Hợp đồng vay số 16.70.00005/2016-HDTHA/NHCT264-BIASGPT ngày 26/02/2016. Hạn mức 15.000.000.000 đồng nhằm thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của "Dự án đầu tư cải tạo dây chuyền chiết - Đầu tư thiết bị đóng thùng Wrap - Around và chuyển đổi vỏ lon 206 sang vỏ lon 202". Thời hạn vay 36 tháng. Lãi suất vay trong năm là 7,5%/năm.

Hợp đồng vay số 17.46.0013/2017-HDCVDADT/NTCT264-BIA SGPT. Hạn mức 15.000.000.000 đồng nhằm thanh toán các chi phí dự án đầu tư Nhà máy bia Sài Gòn - Phú Thọ công suất 50 triệu lít/năm. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất 6,5%/năm.

Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương VN – Chi nhánh Quang Minh được đảm bảo bằng các hợp đồng thế chấp tài sản số 09.19.00050/HDTC ngày 21/5/2009, số 09.19.00051/HDTC ngày 21/5/2009 và số 13.61.0002/HDTC ngày 07/02/2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - PHÚ THỌ

KCN Trung Hà, xã Hồng Đà, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**14. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	125.000.000.000	21.635.785.095	79.889.995.302	226.525.780.397
Lãi/(Lỗ) trong năm trước	-	-	37.910.785.281	37.910.785.281
Phân phối lợi nhuận năm 2015	-	1.881.270.382	(34.975.549.770)	(33.094.279.388)
Tạm phân phối lợi nhuận năm 2016	-	-	(3.641.198.311)	(3.641.198.311)
Số dư cuối năm trước	125.000.000.000	23.517.055.477	79.184.032.502	227.701.087.979
Lãi/(Lỗ) trong năm	-	-	56.067.248.712	56.067.248.712
Phân phối lợi nhuận còn lại năm 2016 (*)	-	-	(33.536.125.246)	(33.536.125.246)
Tạm phân phối lợi nhuận năm 2017	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Số dư cuối kỳ này	125.000.000.000	23.517.055.477	98.715.155.968	247.232.211.445

Đơn vị tính: VND

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2017/NQ-DHDCĐ ngày 27 tháng 5 năm 2017, Công ty phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Số liệu Phân phối theo nghị quyết	Số đã tạm phân phối năm 2016	Phân phối lợi nhuận còn lại trong năm 2017
Trích quỹ an sinh xã hội	379.107.852	-	379.107.852
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.250.000.000	2.762.389.077	1.487.610.923
Trích quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành	758.215.705	338.809.234	419.406.471
Trích thù lao hội đồng quản trị ban kiểm soát	540.000.000	540.000.000	-
Trích chi trả cổ tức	31.250.000.000	-	31.250.000.000
Cộng	37.177.323.557	3.641.198.311	33.536.125.246

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2017	%	01/01/2017	%
	VND		VND	
Tổng công ty Cổ phần Bia rượu NGK Sài Gòn	33.787.500.000	27,03	33.787.500.000	27,03
Công ty Cổ phần Bia, Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	8.530.500.000	6,82	8.530.500.000	6,82
Ông Võ Sỹ Dông	10.536.760.000	8,43	10.536.760.000	8,43
Bà Nguyễn Thu Hương	6.552.660.000	5,24	6.552.660.000	5,24
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	6.250.000.000	5,00	6.250.000.000	5,00
Vốn góp của các đối tượng khác	59.342.580.000	47,47	59.342.580.000	47,47
Cộng	125.000.000.000	100,00	125.000.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	125.000.000.000	125.000.000.000
Vốn góp cuối năm	125.000.000.000	125.000.000.000
Cổ tức đã chia	-	31.250.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000

(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán bia	560.576.774.163	472.382.035.271
Doanh thu khác	4.348.426.655	6.216.162.501
Cộng	564.925.200.818	478.598.197.772

339
 NG T
 PHẢ
 ÀI C
 Ứ TH
 6 -
 1388
 CÔNG T
 NHỮNG
 VỤ T
 TRUY
 TẾM T
 M VIỆ
 P. H C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Chiết khấu thương mại	2.163.490.361	1.529.950.182
Cộng	2.163.490.361	1.529.950.182

3. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Giá vốn của bán bia	480.719.452.870	411.861.121.219
Giá vốn hoạt động khác	575.877.787	2.476.802.609
Cộng	481.295.330.657	414.337.923.828

4. Doanh thu hoạt động tài chính

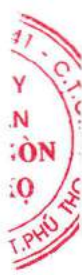
	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	543.355.999	147.237.474
Lãi chênh lệch tỷ giá	63.485.308	30.259.664
Cộng	606.841.307	177.497.138

5. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Lãi tiền vay	2.337.849.018	3.090.588.162
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	29.696.690
Các khoản ghi giảm chi phí tài chính	-	(230.335.634)
Cộng	2.337.849.018	2.889.949.218

6. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016 VND
Chi phí vật liệu, bao bì	3.997.036.046	5.100.252.638
Chi phí vận chuyển	1.006.732.083	815.725.869
Chi phí khác	579.389.719	-
Cộng	5.583.157.848	5.915.978.507



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí cho nhân viên	5.794.001.057	5.596.784.940
Chi phí đồ dùng văn phòng	528.107.997	132.032.468
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ	1.282.441.288	1.178.869.436
Thuế, phí và lệ phí	42.559.095	23.298.632
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.581.506.835	5.108.864.582
Chi phí bằng tiền khác	278.258.252	343.253.337
Cộng	13.506.874.524	12.383.103.395

8. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Thu nhập khác	41.951.226	24.560.782
Cộng	41.951.226	24.560.782

9. Chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lỗ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	216.437.110
Chi phí khác	3.377.409	477.242.952
Cộng	3.377.409	693.680.062

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 18221000027 ngày 25 tháng 10 năm 2007 cấp bởi Ban Quản lý các khu công nghiệp Phú Thọ, Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% trong 12 năm kể từ ngày nhà máy đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chi tiết mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.616.664.822	3.138.885.263
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4.616.664.822	3.138.885.263

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	56.067.248.712	37.910.785.237
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	(1.405.159)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(1.405.159)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	56.067.248.712	37.909.380.078
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.000.000.000	5.927.323.557
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.500.000	12.500.000
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	4.245	2.559
- Lãi suy giảm	4.245	2.559

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập từ lợi nhuận năm 2017 tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2016 đã được trình bày lại theo quy định tại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do thay đổi số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	413.372.178.976	358.221.356.901
Chi phí nhân công	19.525.350.489	18.998.784.075
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ	39.554.743.628	37.830.342.836
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.456.817.001	14.649.603.879
Chi phí khác bằng tiền	2.063.185.917	5.623.689.795
Cộng	497.972.276.011	435.323.777.486

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền chi ứng trước người mua để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	19.284.083.227	5.458.250.227
Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ	-	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan

a) Các nghiệp vụ phát sinh với bên liên quan trong năm

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (Chưa bao gồm VAT) VND
Tổng công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	Cổ đông lớn	Mua nguyên vật liệu, hàng hoá	352.585.150.375
		Doanh thu bán bìa, hàng hoá khác	522.892.348.397
Công ty Cổ phần Bia - Rượu Sài Gòn - Đồng Xuân	Cổ đông lớn	Chi trả cổ tức	8.446.875.000
		Chi trả cổ tức	2.132.625.000
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Mua nguyên vật liệu, hàng hoá	203.825.000
Công ty TNHH Thương Mại Chiều Xuân	Vợ của Phó Giám đốc là thành viên Hội đồng thành viên	Doanh thu bán bìa, hàng hoá khác	15.392.973.288
Nhà phân phối rượu, bia, nước giải khát Thái Hưng	Chồng của Kế toán trưởng là Chủ hộ kinh doanh	Mua nguyên vật liệu, hàng hoá, bốc xếp	1.927.972.138
		Doanh thu bán bìa, hàng hoá khác	2.847.025.925
Công ty TNHH Tân Hạnh Nguyên	Con của thành viên HĐQT là Giám đốc	Mua nguyên vật liệu, hàng hoá	637.010.000

3939
ÔNG
S PH
SÀI
HÚ T
ÔNG
3052
C
M
DỊCH
LI CH
VÀ H
NA
VI-T

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**b) Giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát trong năm như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Ban Giám đốc	1.612.776.531	1.522.818.722
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	1.015.096.756	955.444.697

3. Báo cáo bộ phận**Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Doanh thu, kết quả kinh doanh và tổng tài sản của hoạt động sản xuất bia của Công ty trong năm chiếm trên 90%. Vì vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Toàn bộ doanh thu của Công ty trong khu vực địa lý Việt Nam.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	69.829.073.376	65.450.008.669	69.829.073.376	65.450.008.669
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.030.517.244	17.030.243.000	25.030.517.244	17.030.243.000
Cộng	94.859.590.620	82.480.251.669	94.859.590.620	82.480.251.669
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	8.921.690.336	42.218.064.008	8.921.690.336	42.218.064.008
Vay và nợ	67.401.711.633	15.000.000.000	67.401.711.633	15.000.000.000
Chi phí phải trả	4.625.837.731	1.995.815.910	4.625.837.731	1.995.815.910
Các khoản phải trả khác	-	-	-	-
Cộng	80.949.239.700	59.213.879.918	80.949.239.700	59.213.879.918

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác phần lớn xấp xỉ với giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được do không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

5. Tài sản đảm bảo

Công ty có một số tài sản đảm bảo thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/12/2017 và tại ngày 01/01/2017 (xem thuyết minh V.8, V.13). Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác tại ngày 31/12/2016 và tại ngày 31/12/2017.

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm (tại ngày 31/12/2017)	66.725.302.700	14.223.937.000	80.949.239.700
Phải trả cho người bán	8.921.690.336	-	8.921.690.336
Vay và nợ	53.177.774.633	14.223.937.000	67.401.711.633
Chi phí phải trả	4.625.837.731	-	4.625.837.731
Các khoản phải trả khác	-	-	-
Số đầu năm (tại ngày 01/01/2017)	50.213.879.918	9.000.000.000	59.213.879.918
Phải trả cho người bán	42.218.064.008	-	42.218.064.008
Vay và nợ	6.000.000.000	9.000.000.000	15.000.000.000
Chi phí phải trả	1.995.815.910	-	1.995.815.910
Các khoản phải trả khác	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam. Trong đó, Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày lại cho phù hợp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do thay đổi số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016, cụ thể:

STT	Nội dung	Số liệu đã trình bày trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	Số liệu trình bày lại trên BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.785	2.559

10. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Trần Bích Thuý

Ngày 06 tháng 02 năm 2018

Kế toán trưởng

Trần Bích Thuý

Giám đốc



Bùi Văn Thiêng